

Số: /BC-LĐTĐTB&XH

Tu Mơ Rông, ngày tháng 10 năm 2022

## BÁO CÁO

### **Đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông**

Căn cứ Thông báo số 160/TB-UBND ngày 04/10/2022 của UBND huyện về nội dung, thời gian Phiên họp Ủy ban nhân dân huyện thường kỳ tháng 9 năm 2022, Phòng Lao động-TB&XH huyện báo cáo nội dung phục vụ phiên họp thường kỳ cụ thể như sau:

#### **I. CÔNG TÁC THAM MƯU CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH.**

##### **1. Công tác tham mưu**

- UBND huyện đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2021 – 2025<sup>1</sup>.

- Chỉ đạo Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2021 – 2025 thành lập các Tổ công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2021-2025<sup>2</sup> (*Tổ Công tác*).

- Kế hoạch tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững năm 2021<sup>3</sup>; Chỉ đạo chỉ đạo các cơ quan thành viên Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo theo lĩnh vực được phân công, phụ trách<sup>4</sup>; Kế hoạch giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025<sup>5</sup>; Rà soát, thống kê chính xác tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo<sup>6</sup>; Đôn đốc xây dựng phương án, giải pháp hỗ trợ hộ đăng ký thoát nghèo năm 2021<sup>7</sup>; Chỉ đạo hướng dẫn xây dựng các giải pháp hỗ trợ hộ đăng ký thoát nghèo, cận nghèo trong kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững năm 2021<sup>8</sup>; Tăng cường thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện<sup>9</sup>; Tăng cường thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đảm

---

<sup>1</sup> Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24 tháng 03 năm 2022 và Quyết định 79a/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND huyện.

<sup>2</sup> Quyết định số 02/QĐ-BCĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định số 03/QĐ-BCĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 về việc thành lập và kiện toàn Tổ công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2021 – 2025.

<sup>3</sup> Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 22/01/2021 của UBND huyện Tu Mơ Rông về thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững năm 2021 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông.

<sup>4</sup> Quyết định 02/QĐ-BCĐ ngày 17/6/2021.

<sup>5</sup> Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND huyện Tu Mơ Rông về thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông.

<sup>6</sup> Công văn số 829/UBND-LĐTĐTBXH ngày 19/5/2021.

<sup>7</sup> Công văn số 964/UBND-LĐTĐTBXH ngày 04/6/2021.

<sup>8</sup> Công văn số 261/LĐTĐTBXH ngày 02/6/2021.

<sup>9</sup> Công văn số 1237/UBND-LĐTĐTBXH ngày 02/7/2021.

bảo “*không để ai thiếu ăn*” trên địa bàn huyện<sup>10</sup>; Kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo Quyết định 59/QĐ-TTg và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021-2025 theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/1/2021 của Chính phủ<sup>11</sup>; Tập trung triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo trong thời gian tới trên địa bàn huyện<sup>12</sup>; Đẩy mạnh thực hiện các chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện<sup>13</sup>.

## **2. Công tác quản lý thực hiện Chương trình**

Công tác quản lý thực hiện, chế độ làm việc, phân công nhiệm vụ, phối hợp trong công tác triển khai thực hiện: Tổ Công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững có quy chế hoạt động và chuyên viên giúp việc. Thành viên Tổ Công tác là Lãnh đạo của các phòng, ban có liên quan được phân công trách nhiệm cụ thể, mỗi thành viên phụ trách một xã và là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm triển khai, lồng ghép thực hiện các chính sách, dự án trên địa bàn; đồng thời, hàng năm phối hợp kịp thời với Cơ quan thường trực các Tổ Công tác tham gia giám sát kết quả thực hiện các chính sách, dự án. Tùy theo đặc thù của từng xã mà cấp huyện hướng dẫn thành phần cho phù hợp, bảo đảm tổ chức triển khai hiệu quả kế hoạch hàng năm của cấp huyện.

## **II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Đánh giá công tác quản lý chương trình**

Trên cơ sở các hướng dẫn của Trung ương cũng như tỉnh, Phòng Lao động – TB&XH huyện đã triển khai, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn.... để các xã triển khai thực hiện để đánh giá, đưa ra các giải pháp, hướng xử lý trong thời gian tiếp theo.

### **2. Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.**

#### **2.1. Cơ sở pháp lý**

- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phân bổ kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021.

- Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông.

- Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông.

- Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của UBND huyện về việc phân bổ kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021.

<sup>10</sup> Công văn số 1789/UBND-LĐTĐXH ngày 23/8/2021.

<sup>11</sup> Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 21/9/2021.

<sup>12</sup> Công văn số 2086/UBND-LĐTĐXH ngày 28/9/2021.

<sup>13</sup> Công văn số 2345/UBND-LĐTĐXH ngày 21/10/2021.

- Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông.

- Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông.

## **2.2. Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.**

Tổng số vốn thực hiện chương trình trong năm 2022: 76.374 triệu đồng (*Trong đó: Vốn đầu tư phát triển 66.409 triệu đồng, Vốn sự nghiệp 9.965 triệu đồng*).

- Vốn theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 07/7/2022: 74.334 triệu đồng (*Trong đó: Vốn đầu tư phát triển 66.409 triệu đồng, Vốn sự nghiệp 7.925 triệu đồng*).

- Vốn theo Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 03/6/2022: 2.040 triệu đồng (*Trong đó: Vốn sự nghiệp 2.040 triệu đồng*).

## **3. Mức độ đạt được kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ so với kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.**

**3.1. Cuối năm 2020:** Tổng số hộ nghèo của huyện (*theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020*) là 2.188 hộ, chiếm tỷ lệ 32,69%.

### **3.2. Cuối năm 2021:**

- **Hộ nghèo theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ**

+ Hộ thoát nghèo: 597 hộ, tỷ lệ giảm nghèo 9,31% (*Tỷ lệ % cuối năm 2020 – tỷ lệ % kết quả điều tra cuối năm 2021*), tỷ lệ hộ nghèo còn lại đến thời điểm rà soát là 23,38% (*So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát 1591/6.805 hộ*).

+ Hộ thoát cận nghèo: 118 hộ, tỷ lệ giảm nghèo 1,54% (*Tỷ lệ % cuối năm 2020 – tỷ lệ % kết quả điều tra cuối năm 2021*), tỷ lệ hộ cận nghèo còn lại đến thời điểm rà soát là 5,23% (*So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát 356/6.805 hộ*).

- **So sánh kết quả giảm nghèo theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 22/01/2021 của UBND huyện (Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg)**

Kết quả giảm nghèo: 597/510 hộ, đạt tỷ lệ 117,06%, tỷ lệ hộ nghèo giảm 8,92% (*Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 22/01/2021 là giảm 510 hộ, tỷ lệ giảm 8,14%*).

- **Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/1/2021 của Chính phủ**

+ Hộ nghèo: 3.546/6.805 hộ, chiếm tỷ lệ 52,11% (*Hộ nghèo là dân tộc thiểu số 3.545/3.546 hộ, chiếm tỷ lệ 99,97%*).

+ Hộ cận nghèo: 550/6.805 hộ, chiếm tỷ lệ 8,08% (*Hộ cận nghèo là dân tộc thiểu số 550/550 hộ, chiếm tỷ lệ 100%*).

## **4. Nội dung thực hiện**

**4.1. Thực hiện theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 07/7/2022: 74.334 triệu đồng (Trong đó: Vốn đầu tư phát triển 66.409 triệu đồng, Vốn sự nghiệp 7.925 triệu đồng).**

**1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo:**

- Tổng ngân sách Trung ương: 68.343 triệu đồng (*Vốn đầu tư phát triển 66.409 triệu đồng; Vốn sự nghiệp 1.934 triệu đồng*).

- Các nội dung thực hiện theo Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

- Đơn vị thực hiện: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Ban quản lý thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia các xã triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**2. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

- Tổng ngân sách Trung ương: 2.315 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Các nội dung cụ thể thực hiện theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 và Công văn số 1628/SLĐTBXH-TGXHGN ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đơn vị thực hiện: UBND các xã triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất (Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp)**

- Tổng ngân sách Trung ương: 981 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**4. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

**a. Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**

- Ngân sách Trung ương: 1.697 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 2006/LĐTBXH-VPQGGN ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm GDNN-GDTX huyện triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**b. Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

- Ngân sách Trung ương: 259 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Các nội dung cụ thể thực hiện theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**c. Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững**

- Ngân sách Trung ương: 185 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Các nội dung cụ thể thực hiện theo Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh tế - Hạ tầng triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**6. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

**a. Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin**

- Ngân sách Trung ương: 38 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 2006/LĐTBXH-VPQGGN ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn thực hiện dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông huyện triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**b. Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều**

- Ngân sách Trung ương: 44 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 2006/LĐTBXH-VPQGGN ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và

Truyền thông về hướng dẫn thực hiện dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025; Kế hoạch số 650/QĐ-LĐTBXH ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về phê duyệt Kế hoạch truyền thông về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông huyện triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

## **7. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình**

### **a. Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình**

- Ngân sách Trung ương: 308 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 2006/LĐTBXH-VPQGGN ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các xã triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

### **b. Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá**

- Ngân sách Trung ương: 164 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các xã triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

## **4.2. Thực hiện theo Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 03/6/2022: 2.040 triệu đồng (Trong đó: *Vốn sự nghiệp 2.040 triệu đồng*).**

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính tại Văn bản số 5094/LĐTBXH-VPQGGN ngày 31 tháng 12 năm 2021<sup>14</sup> và Văn bản số 14821/BTC-NNSN ngày 27 tháng 12 năm 2021<sup>15</sup>, nội dung hoạt động và kinh phí triển khai thực hiện, cụ thể:

- Thực hiện theo điểm iii, tiểu mục a, mục 1.1 và điểm iii, tiểu mục a, mục 1.2, mục 1, phần III, tại Văn bản số 5094/LĐTBXH-VPQGGN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Áp dụng các nội dung hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 cho đến khi có Thông tư hướng dẫn mới ban hành và có hiệu lực thi hành.

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện; UBND các xã triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

<sup>14</sup> về việc hướng dẫn phạm vi, đối tượng phân bổ vốn năm 2021.

<sup>15</sup> về việc bổ sung dự toán năm 2021 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động.

## **5. Các chính sách, chương trình hỗ trợ giảm nghèo khác**

### **5.1. Chính sách hỗ trợ vay vốn dài phát triển sản xuất**

#### **a. Năm 2021**

- Trong năm 2021 đã tổ chức cho 1.222 lượt hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, cho vay hỗ trợ tạo việc làm duy trì và mở rộng việc làm với số tiền 56.894 triệu đồng, cụ thể:

- + Hộ nghèo: 468 lượt hộ vay vốn với số tiền cho vay 22.506 triệu đồng;
- + Hộ cận nghèo: 101 lượt hộ vay vốn với số tiền cho vay 5.415 triệu đồng;
- + Hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo: 74 lượt hộ vay vốn với số tiền cho vay 3.531 triệu đồng;
- + Cho vay hỗ trợ tạo việc làm duy trì và mở rộng việc làm: 156 lượt khách hàng vay vốn với số tiền cho vay 10.543 triệu đồng.

#### **b. Năm 2022**

- Trong năm 8 tháng đầu năm 2022 đã tổ chức cho trên 1 ngàn lượt hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn với số tiền 71.079 triệu đồng một số chương trình có doanh số cho vay lớn:

- + Hộ nghèo: 651 lượt hộ vay vốn với số tiền cho vay 35.809 triệu đồng;
- + Hộ cận nghèo: 52 lượt hộ vay vốn với số tiền cho vay 3.051 triệu đồng;
- + Cho vay hỗ trợ tạo việc làm duy trì và mở rộng việc làm: 241 lượt khách hàng vay vốn với số tiền cho vay 29.805 triệu đồng đồng.
- + Cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn: 212 lượt khách hàng vay vốn với số tiền cho vay 9.488 triệu đồng đồng;

- Tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách là 280.496 triệu đồng, tăng 31.312 triệu đồng<sup>16</sup> so với 31/12/2021, với trên 5 ngàn khách hàng dư nợ, thông qua 137 Tổ TK&VV.

Trong 8 tháng đầu năm 2022, Phòng Lao động – TH&XH huyện phối hợp với Phòng giao dịch NHCSXH huyện đã bám sát chỉ đạo của Tỉnh, Huyện Ủy, UBND huyện để tập trung giải ngân các nguồn vốn được giao. Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng đạt 16,9%, từ đó đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, cụ thể: Từ vốn vay tín dụng chính sách đã tạo điều kiện cho 1.308 khách hàng được tiếp cận nguồn vốn vay, 241 lao động được tạo việc làm. Hiệu quả đầu tư như sau: Trâu, bò trên 1 ngàn con; Trồng sâm Ngọc Linh trên 7 ngàn cây; xây dựng được 224 công trình nước sạch, vệ sinh ở nông thôn...

### **4.2. Chính sách hỗ trợ về giáo dục**

#### **a. Năm 2021**

Trong năm học kì II năm học 2020-2021 (tháng 1-5) và học kì I năm học 2021-2022 (tháng 9-12).

---

<sup>16</sup> Các chương trình tín dụng chính sách tăng so với đầu năm: Cho vay hộ nghèo tăng 20,8 tỷ đồng; Cho vay Quỹ Quốc gia về việc làm 16,1 tỷ đồng ...

- Chính sách miễn, giảm học phí, chi phí học tập học tập cho học sinh theo Nghị định số 86/2015/QĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ: Hỗ trợ chi phí học tập 2.197 học sinh, kinh phí thực hiện là 1.098.500.000 đồng (Thời điểm học kì II năm học 2020-2021).

- Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho học sinh mầm non 3,4,5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ: Hỗ trợ 4.090 lượt học sinh, tổng số kinh phí thực hiện là 1.800.480.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền ở, hỗ trợ gạo cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ tiền ăn 5.716 lượt học sinh, tổng số kinh phí thực hiện là 15.189.060.000 đồng. Hỗ trợ tiền ở 3.925 lượt học sinh, tổng số kinh phí thực hiện là 2.595.878.000 đồng. Thực hiện tiếp nhận và cấp phát, sử dụng gạo hỗ trợ cho học sinh là 5.716 lượt học sinh với tổng số gạo là 382.275 kg.

- Chính sách đối với học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật: Tổng số học sinh thụ hưởng: 62 lượt học sinh; Tổng số kinh phí thực hiện là 333.760.000 đồng.

- Chương trình học bổng “Vì em hiếu học”: Tổng số học sinh được hỗ trợ là 110 học sinh, với số tiền hỗ trợ là 220.000.000 đồng.

- Chính sách cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn: Trong 11 tháng đầu năm là: 03 học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay vốn, doanh số cho vay 11 tháng đầu năm 52,5 triệu đồng.

- Chương trình học bổng “Vì em hiếu học” thuộc Chương trình 135 năm học 2020-2021: Tổng số học sinh được hỗ trợ học bổng là 110 học sinh, với số tiền hỗ trợ là 110 triệu đồng.

#### **b. Năm 2022 (kinh phí thực hiện từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2022)**

- Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho học sinh mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non: Hỗ trợ 2.172 học sinh, tổng số kinh phí thực hiện là 1.745.920 ngàn đồng.

- Chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền ở, hỗ trợ gạo cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ tiền ăn 3.093 học sinh, tổng số kinh phí thực hiện là 9.217.140 ngàn đồng, Hỗ trợ tiền ở 2.205 học sinh, tổng số kinh phí thực hiện là 1.642.725 ngàn đồng.

- Chính sách hỗ trợ đối với học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, ngày 31/12/2013 của Liên bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động-Thương binh và Xã Hội, Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật: Số học sinh thụ hưởng: 32 học sinh, với tổng kinh phí thực hiện là: 196.680 ngàn đồng.

- Chính sách hỗ trợ đối với học sinh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo



dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: Hỗ trợ tiền miễn, giảm học phí với 4.359 học sinh, tổng số kinh phí thực hiện là 425.914.500 đồng, Hỗ trợ tiền chi phí học tập với 7.786 học sinh, tổng số kinh phí thực hiện là 5.838.900.000 đồng.

- *Chính sách cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn:* Trong 5 tháng đầu năm là: 08 học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay vốn, doanh số cho vay 5 tháng đầu năm 72,5 triệu đồng. Trong đó: 04 học sinh, sinh viên có hoàn cảnh vay vốn mua máy tính thiết bị học tập trực tuyến với số tiền 40 triệu đồng.

Chính sách hỗ trợ về giáo dục đã giúp các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trang trải thêm trong việc học hành, khuyến khích con em đến trường đầy đủ, cải thiện dinh dưỡng. Tuy nhiên, học sinh là người dân tộc thiểu số không thuộc diện hộ nghèo không được hỗ trợ chi phí học tập dẫn đến tình trạng học sinh thiếu sách giáo khoa và vở viết vẫn còn xảy ra.

### **5.3. Chính sách hỗ trợ về y tế**

- *Chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho hộ nghèo, cận nghèo:* Triển khai rà soát, cấp 100% thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo (bao gồm người nghèo theo tiêu chí thu nhập và người nghèo thiếu hụt chỉ số bảo hiểm y tế)

- *Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo:* Từ 01/01/2022 đến thời điểm 31/5/2022 hỗ trợ tiền ăn cho 842 lượt với tổng số tiền: 214.135.350 đồng, tiền đi lại cho 551 lượt người với tổng số tiền 53.984.246 đồng và tiền xăng xe vận chuyển 71 lượt người với tổng số tiền 19.265.056 đồng cho đối tượng là người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Chính sách hỗ trợ cấp thẻ BHYT cho người nghèo, người cận nghèo là một trong những mục tiêu tiến tới BHYT toàn dân, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh (KCB). Người nghèo được cấp thẻ BHYT; đồng thời, được tiếp cận với các dịch vụ KCB góp phần thực hiện mục tiêu chăm sóc sức khỏe nhân dân, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu KCB. Qua đó, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ sức khỏe, bỏ các tập tục lạc hậu, giữ gìn vệ sinh môi trường, tránh những tác nhân gây hại đến sức khỏe. Tỷ lệ người dân tham gia tiêm chủng mở rộng đạt hiệu quả cao, tình trạng trẻ em suy dinh dưỡng ngày được cải thiện, chương trình chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng được nhân rộng.

### **5.4. Các chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo**

- *Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg, ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ:*

+ Năm 2021 đã thực hiện hỗ trợ tiền điện cho 1.598 hộ nghèo thu nhập, với kinh phí thực hiện 1.054.680.000 đồng.

+ Năm 2022 đã tham mưu UBND huyện Quyết định phê duyệt hộ nghèo hỗ trợ tiền điện năm 2022 các xã để triển khai thực hiện hỗ trợ tiền điện cho 3.546 hộ nghèo.

- *Chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt hợp vệ sinh:*

+ Trong năm 2021 đã tổ chức cho 130 lượt hộ vay vốn với số tiền 2.450 triệu đồng để làm 130 công trình nước sạch, 122 công trình vệ sinh (01 hộ được vay tới đã 02 công trình).

+ 8 tháng đầu năm 2022 đã tổ chức cho 84 lượt hộ vay vốn để làm 168 công trình nước sạch, vệ sinh (01 hộ được vay tới đã 02 công trình). Nguồn vốn tín dụng ưu đãi góp phần thực hiện được chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo trên địa bàn huyện.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

- Các cấp, các ngành đã tổ chức quán triệt và tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra và đạt được nhiều kết quả quan trọng: Công tác tuyên truyền về giảm nghèo bền vững được quan tâm, đổi mới với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo trên địa bàn đã tạo điều kiện, cơ hội cho người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống...

- Kịp thời ban hành các văn bản theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện.

#### **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

- Năm 2021 là năm đầu giai đoạn, nên Trung ương chưa phân bổ vốn để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; đến thời điểm hiện tại đã được phân bổ vốn để thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, hiện UBND huyện đang triển khai các bước để thực hiện. Tuy nhiên một số hướng dẫn thực hiện cụ thể các dự án, tiểu dự án còn chậm, nên chưa triển khai kịp thời.

- Thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, hoạt động sản xuất của một bộ phận người dân và gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các chương trình, chính sách về giảm nghèo.

### **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN ĐẾN**

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững.

2. Đổi mới, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Vì người nghèo -Không để ai bị bỏ lại phía sau”; Cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững”, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo bền vững của người dân và cộng đồng; tuyên truyền, giới thiệu những cá nhân, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo; tham gia hoàn thiện chính sách giảm nghèo; thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo gắn với mục tiêu phát triển bền vững.

4. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thực hiện công tác giảm nghèo.

5. Tiếp tục phối hợp với các phòng, ban, ngành và UBND các xã triển khai thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững năm 2022, giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra: ước giảm 8,74% vào cuối năm 2022 (*đạt 100% so với kế hoạch*), giảm còn 14,99% vào cuối năm 2025.

6. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong phối hợp, triển khai thực hiện công tác giảm nghèo.

Trên đây báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông của Phòng Lao động – TB&XH huyện./.

***Nơi nhận:***

- UBND huyện(bc);
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Thuận Hóa**